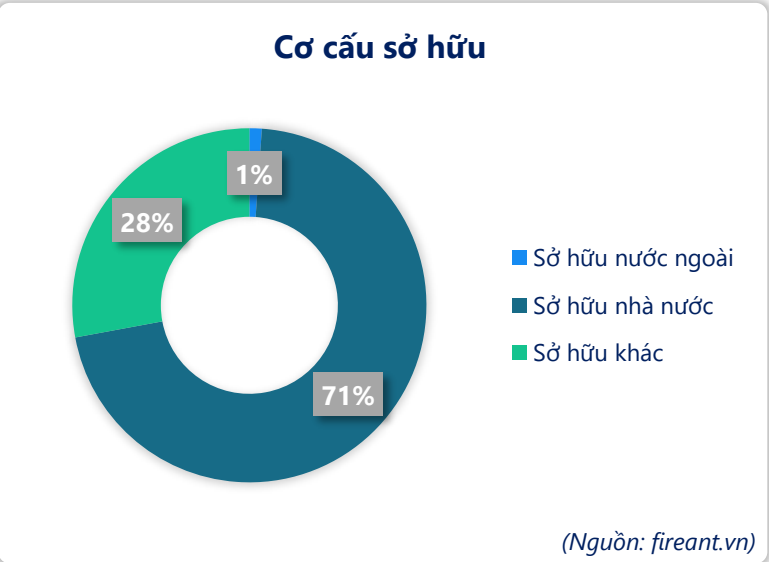
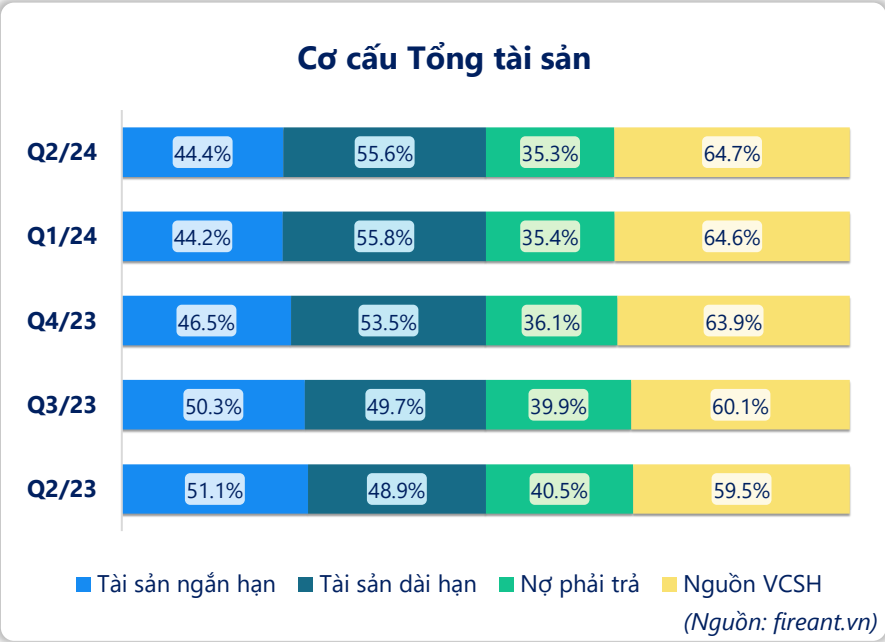
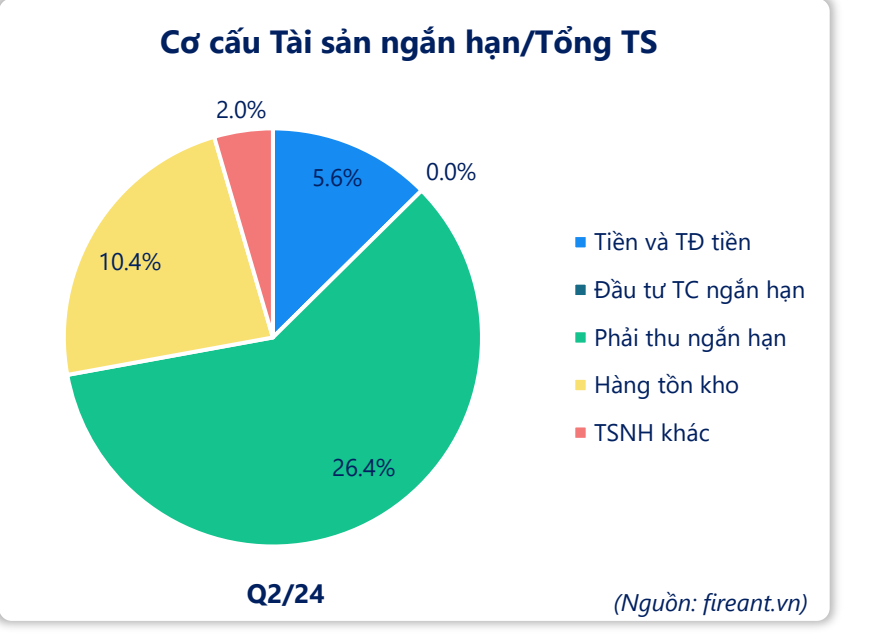
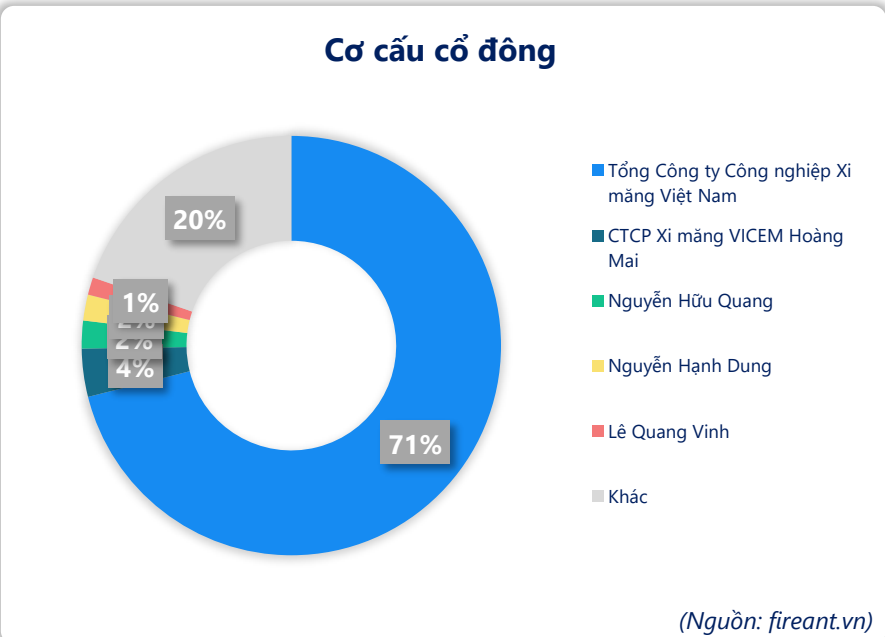
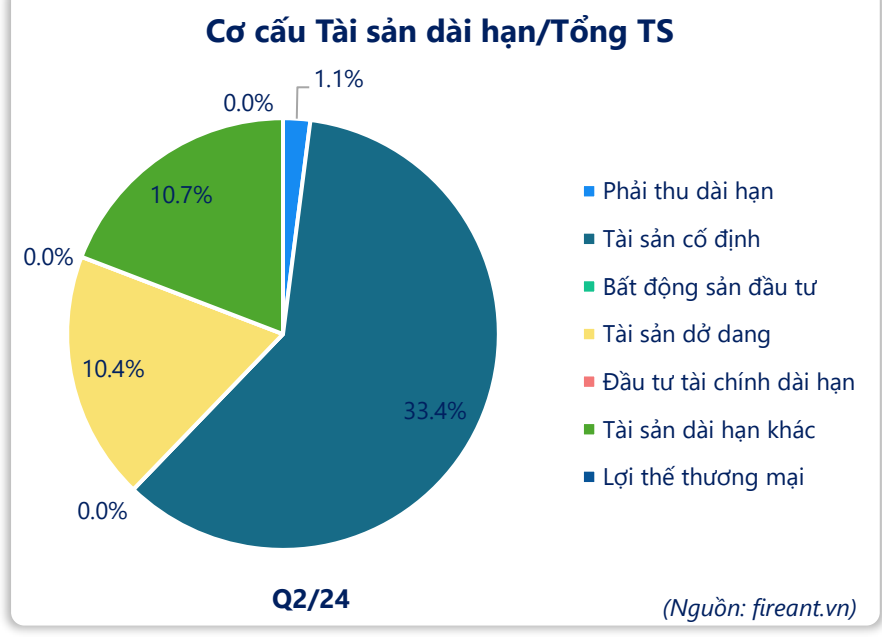
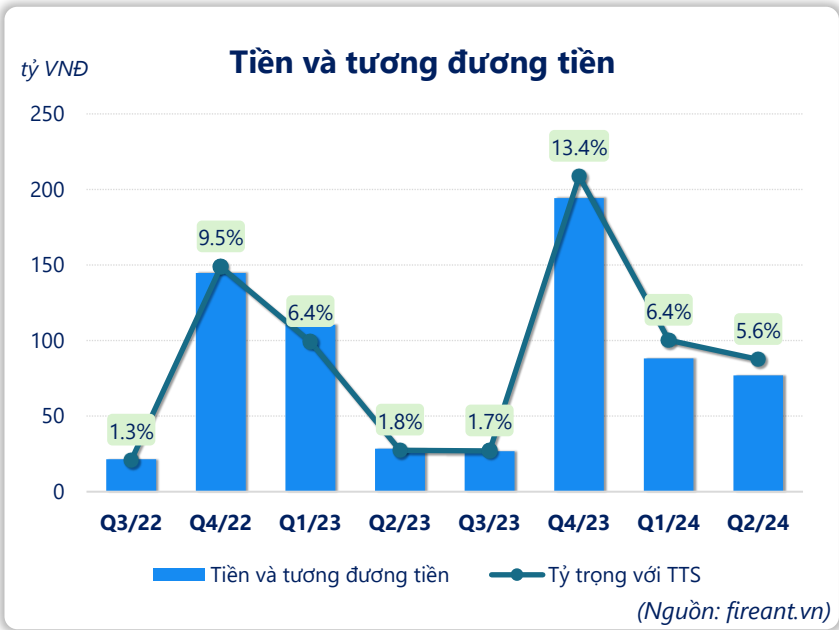
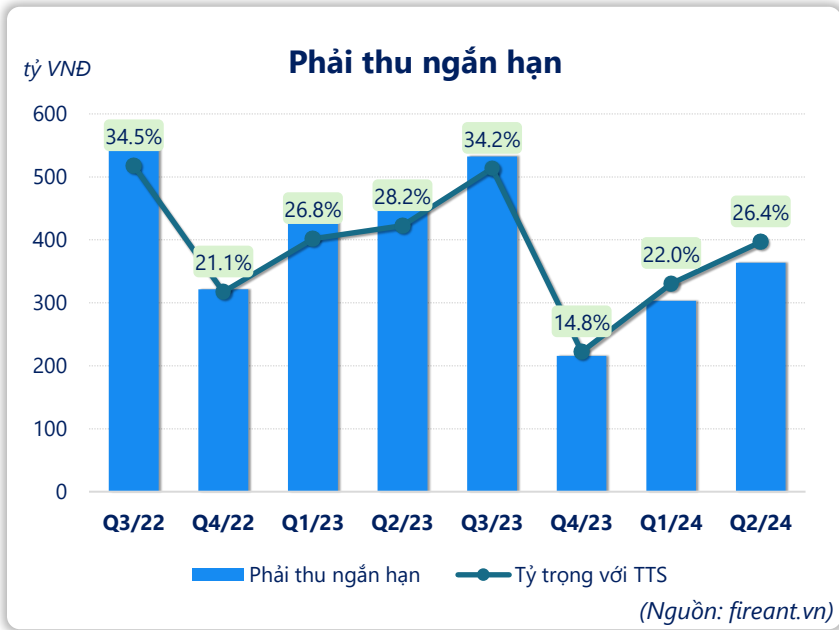
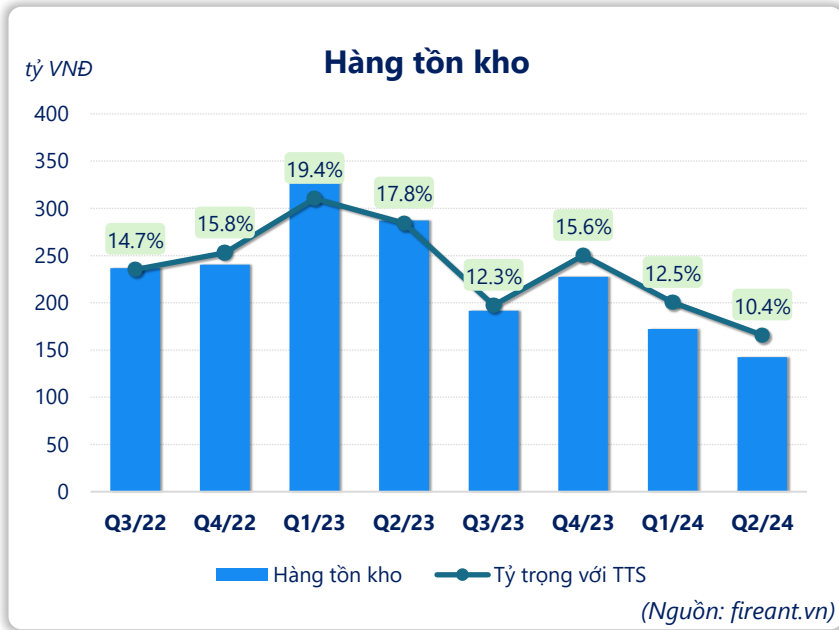
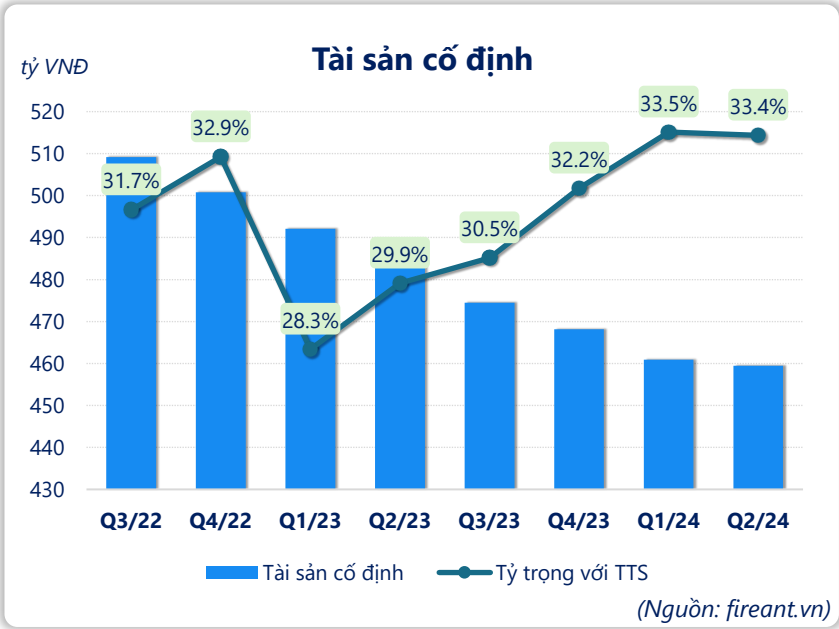
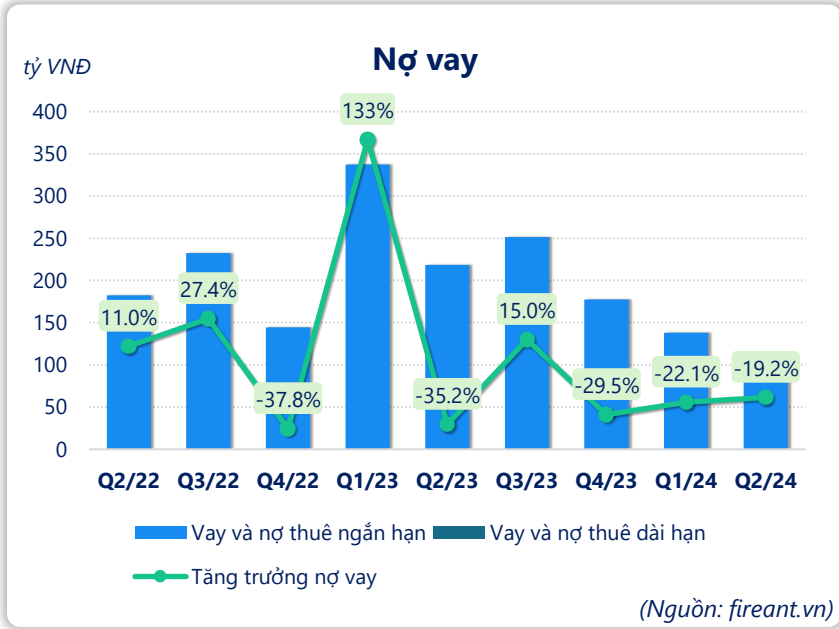
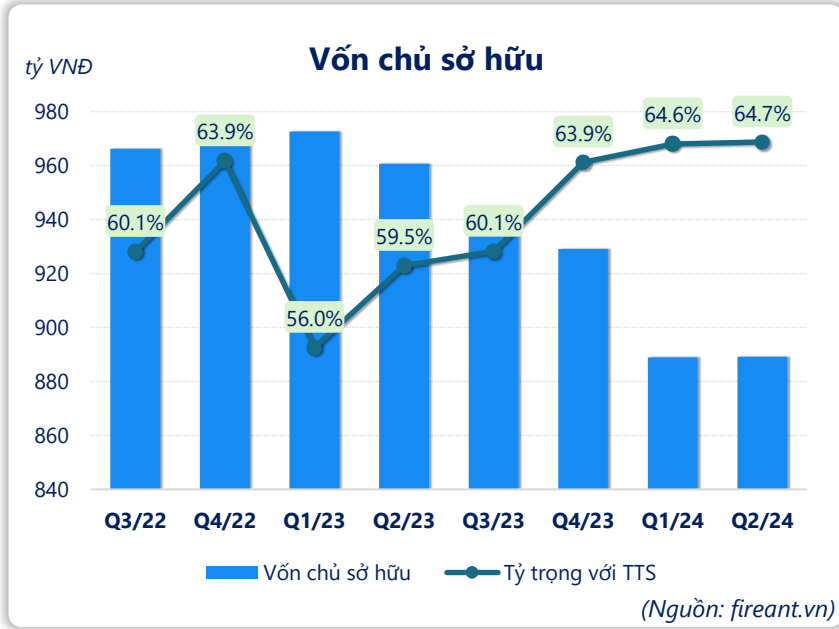
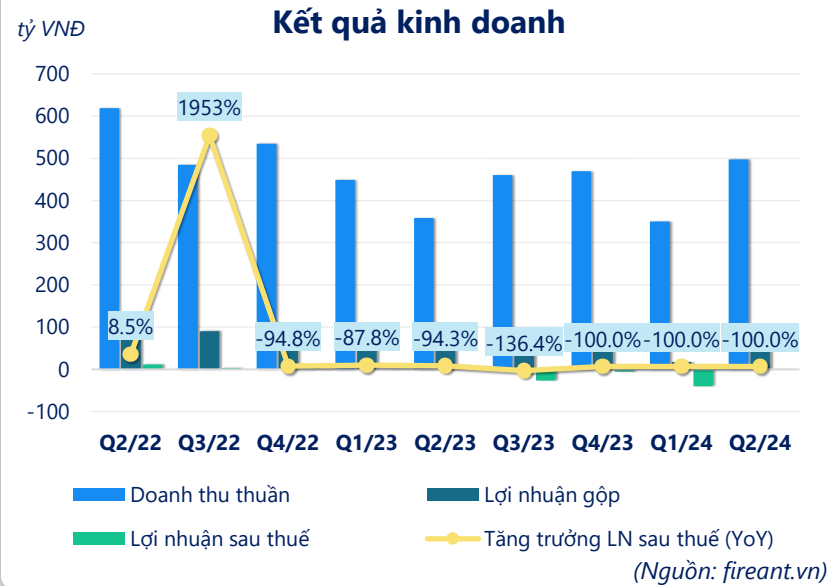
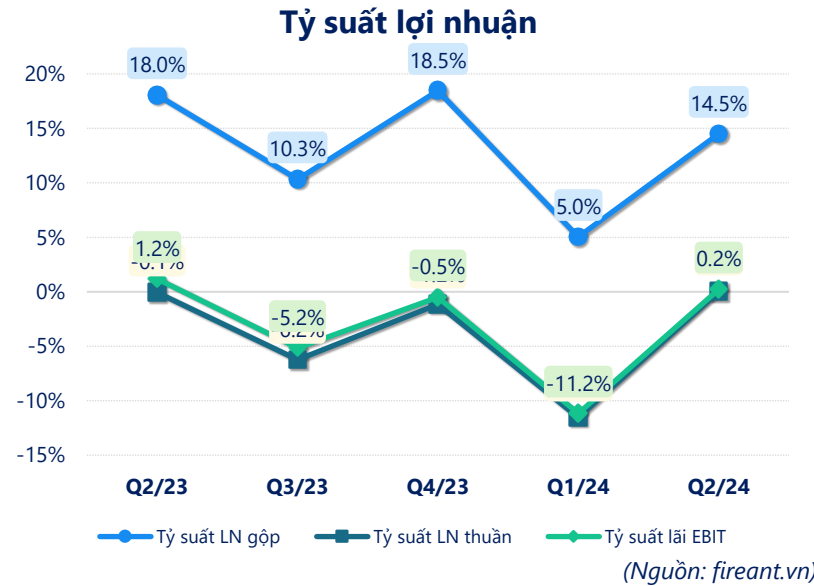
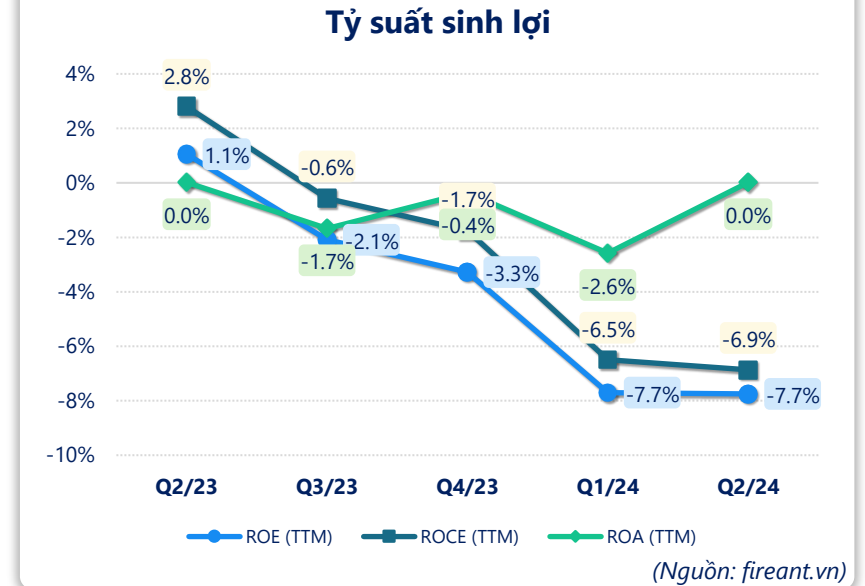
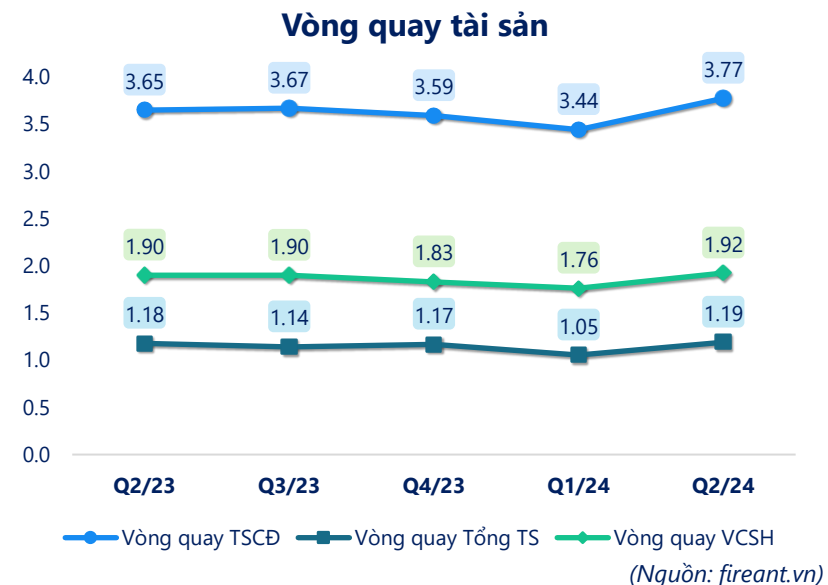
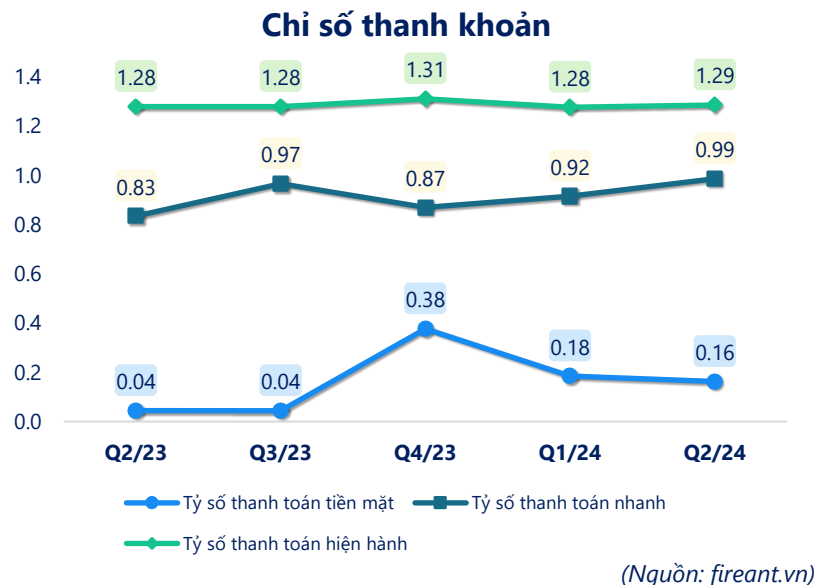
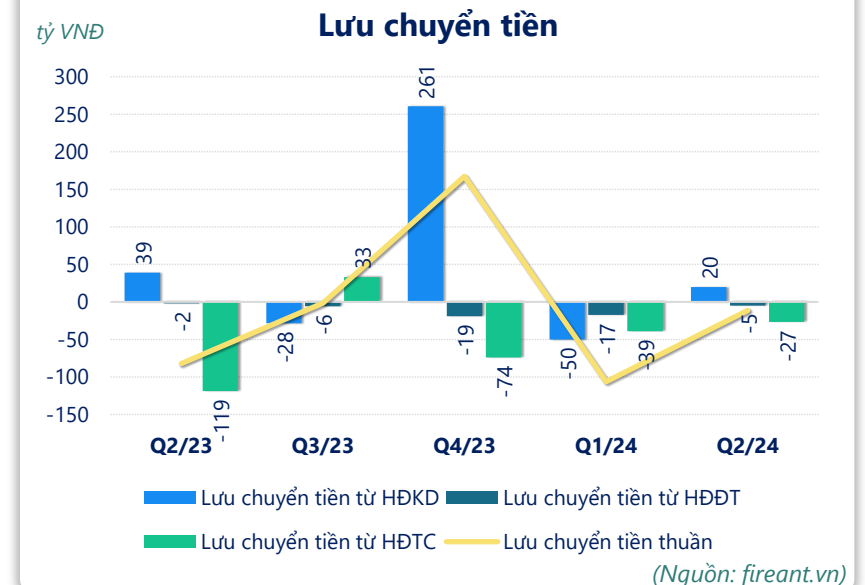


Thông tin giao dịch28/06/2024	
Giá hiện tại (VNĐ)	4,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
SL cổ phiếu LH	71,997,731
KLGD BQ 20 phiên (CP)	77,055
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	302
P/E	-4.2
EPS	-995

	YTD	1T	3T	6T
HOM	-14.3%	5.0%	-6.7%	-14.3%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,374	1,455	-5.6%
Tài sản ngắn hạn	610	677	-9.9%
Tiền và tương đương tiền	76.9	194	-60.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	15.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	363	216	68.3%
Hàng tồn kho	142	227	-37.4%
Tài sản ngắn hạn khác	27.7	24.6	12.6%
Tài sản dài hạn	764	778	-1.9%
Phải thu dài hạn	15.5	14.4	7.7%
Tài sản cố định	459	468	-1.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	142	131	8.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	146	165	-11.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	485	526	-7.9%
Nợ ngắn hạn	475	517	-8.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	112	177	-37.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	239	202	18.6%
Nợ dài hạn	10.2	9.38	8.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	889	929	-4.3%
Vốn chủ sở hữu	889	929	-4.3%
Vốn điều lệ	748	748	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	359	461	469	350	497
Giá vốn hàng bán	294	413	383	333	425
Lợi nhuận gộp	64.8	47.6	86.6	17.7	72.2
Doanh thu HĐTC	0.35	1.01	0.07	1.17	1.28
Chi phí TC	3.94	3.00	2.94	1.03	0.82
Chi phí lãi vay	3.94	3.00	2.94	1.03	0.82
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	40.2	54.7	61.2	35.3	52.8
Chi phí QLDN	21.2	19.6	28.1	22.9	19.6
LN thuần từ HĐKD	-0.19	-28.7	-5.47	-40.4	0.17
Lợi nhuận khác	0.50	1.99	0.16	0.26	0.10
LN trước thuế	0.31	-26.7	-5.32	-40.2	0.27
Lợi nhuận sau thuế	0.26	-26.5	-5.32	-40.2	0.27
LNST của CĐ cty mẹ	0.26	-26.5	-5.32	-40.2	0.27

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.8	-28.5	261	-50.0	19.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.99	-5.93	-19.2	-17.1	-4.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-119	32.8	-74.0	-39.2	-26.6
Tiền đầu kỳ	110	28.4	26.8	194	88.2
Lưu chuyển tiền thuần	-82.0	-1.60	167	-106	-11.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.14	-0.02	0.15	0.23	0.27
Tiền cuối kỳ	28.4	26.8	194	88.2	76.9

(Nguồn: fireant.vn)